

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 28-7-2025
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Dương

Ông Kim Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2025/QĐXXST - DS, ngày 14/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S. Trụ sở: Số B - 268 đường N, phường V, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh C; Chuyên viên thu hồi nợ và Thanh lý tài sản Ngân hàng TMCP S, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Kim Thị Ngọc O, sinh năm 1997. Địa chỉ ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2024 của Ngân hàng TMCP S (S1), bản tự khai ngày 11/7/2025 của ông Nguyễn Mạnh C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/11/2022 bà Kim Thị Ngọc O có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà O, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà O đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là

38.780.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà O đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.025.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà O vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 11/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 11/7/2025 bà O còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc 35.474.048 đồng, lãi quá hạn 29.904.140 đồng. Tổng cộng 65.378.188 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà O có trách nhiệm thanh toán nhưng bà O vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Kim Thị Ngọc O phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền đến ngày 11/07/2025 là 65.378.188 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2025 bị đơn bà Kim Thị Ngọc O trình bày: Vào ngày 22/11/2022, bà có ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S (S1) để vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng, bà trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ và nhận được thẻ tín dụng từ ngân hàng. Sau đó, bà đã kích hoạt và trực tiếp sử dụng thẻ để giao dịch, chủ yếu để lo chi phí chữa bệnh cho bản thân và điều trị cho cha chồng. Thời gian đầu, bà có rút tiền mặt số tiền 15.000.000 đồng, sau đó tiếp tục sử dụng thẻ để mua sắm và có nhiều lần thanh toán lại cho ngân hàng, nhưng không nhớ cụ thể đã sử dụng và đã thanh toán bao nhiêu tiền. Lần cuối cùng bà thanh toán là 4.000.000 đồng. Đến nay, thẻ đã bị ngân hàng khóa, không còn sử dụng được nữa. Về số tiền nợ, bà O thừa nhận còn nợ gốc là 35.474.048 đồng; về tiền lãi, do không rõ cách tính nên bà đề nghị nếu ngân hàng tính đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà đồng ý. Tổng số tiền ngân hàng yêu cầu thanh toán đến ngày 11/07/2025 là 65.378.188 đồng bà đồng ý và cam kết thanh toán cả tiền gốc và lãi phát sinh tính từ ngày 12/7/2025 đến khi thanh toán xong, theo đúng lãi suất trong hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, do hoàn cảnh hiện nay khó khăn, bà không có khả năng trả nợ một lần, nên đề nghị được trả dần theo khả năng thực tế. Bà không có tài sản bảo đảm cho khoản nợ này và cũng không yêu cầu chồng hay bất kỳ ai phải liên đới nghĩa vụ trả nợ. Bottom of F

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án. Thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận định như sau: Theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được bà Kim Thị Ngọc O và Ngân hàng ký ngày 22/11/2022 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Kim Thị O thực hiện các giao dịch rút tiền số tiền 38.780.000 đồng và bà O đã nộp trả vốn gốc 3.305.952 đồng và lãi

12.719.048 đồng, số nợ vốn gốc còn lại 35.474.048 đồng; lãi quá hạn 29.904.140 đồng. Tổng cộng 65.378.188 đồng và kể từ ngày 11/11/2023 đến nay bà O không thực hiện nghĩa vụ trả vốn lãi cho Ngân hàng và được Ngân hàng thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng bà O không thực hiện đã được bà O thừa nhận đây được xem là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Kim Thị Ngọc O trả vốn gốc 35.474.048 đồng; lãi quá hạn 29.904.140 đồng. Tổng cộng 65.378.188 đồng và từ ngày 12/07/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất theo Hợp đồng đã ký là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 227, 228, 238, 280, 357, 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị Quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Kim Thị Ngọc O trả vốn gốc 35.474.048 đồng; lãi quá hạn 29.904.140 đồng. Tổng cộng 65.378.188 đồng và từ ngày 12/07/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất của Hợp đồng đã ký với Ngân hàng TMCP S.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Mạnh C đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Mạnh C.

[2] Căn cứ hồ sơ vụ án, Ngân hàng cung cấp được các tài liệu gồm: Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022 ký giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị O1; sao kê giao dịch thẻ tín dụng thể hiện quá trình rút tiền và thanh toán; bảng kê nợ gốc và lãi tính đến thời điểm khởi kiện; thông báo khóa thẻ và kết thúc quyền sử dụng thẻ của bà O1 vào ngày 11/11/2023. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2025 bị đơn bà O1 trình bày thừa nhận có ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng S1 vào ngày 22/11/2022 với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng. Bà O1 cũng thừa nhận có trực tiếp nộp hồ sơ, nhận thẻ, kích hoạt thẻ và sử dụng thẻ để rút tiền mặt, mua sắm, thanh toán chi phí chữa bệnh cho bản thân và người thân trong gia đình. Việc bà sử dụng thẻ thể hiện rõ ý chí tự nguyện thực hiện giao dịch và phát sinh nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng. Đối với khoản tiền nợ, bà O1 thừa nhận còn nợ gốc là 35.474.048 đồng. Về phần lãi, bà không có ý kiến phản đối, chỉ cho rằng không biết cụ thể cách tính, nhưng đồng ý nếu ngân hàng tính đúng theo hợp đồng thì bà chấp nhận. Bà cũng đồng ý với tổng số tiền ngân hàng yêu cầu là 65.378.188 đồng và đồng ý trả lãi phát sinh từ ngày 12/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Lời khai của bà O1 phù hợp với các chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, thể hiện bà O1 là người trực tiếp ký kết và sử

dụng thẻ tín dụng, có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã sử dụng và lãi phát sinh theo quy định. Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản là tiền phải có nghĩa vụ hoàn trả đủ tiền khi đến hạn. Hợp đồng giữa các bên là hợp đồng tín dụng dân sự hợp pháp, có hiệu lực ràng buộc và không bị vô hiệu, do đó cần được tôn trọng và thực hiện. Về lãi suất, do bà O1 không có ý kiến phản đối cách tính lãi và đồng ý trả lãi theo đúng hợp đồng. Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện và tính lãi đến ngày 19/11/2024 bà O1 còn nợ tiền gốc là 35.474.048 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 18.423.866 đồng, tổng cộng 53.897.914 đồng. Tuy nhiên, cho đến ngày 11/07/2025 lãi quá hạn phát sinh 29.904.140 đồng chưa thanh toán, tổng cộng nợ gốc, nợ lãi bằng 65.378.188 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ chứng cứ để buộc bị đơn bà O1 thanh toán cả nợ gốc và nợ lãi theo đúng yêu cầu của nguyên đơn bằng 65.378.188 đồng. Kể từ ngày 12/7/2025, bà KimThị Ngọc O tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất và phương thức tính lãi được thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị O1 với Ngân hàng TMCP S (S1).

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định thì bà O1 phải chịu án phí 05% đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận.

[5] Quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1) đối với bà Kim Thị Ngọc O.

2. Buộc bà Kim Thị Ngọc O có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 65.378.188 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 35.474.048 đồng;

Nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 11/7/2025: 29.904.140 đồng.

Về lãi phát sinh: Bà Kim Thị Ngọc O tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 12/7/2025 cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất và phương thức tính lãi được thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị O1 với Ngân hàng TMCP S (S1).

3. Về án phí: Buộc bà Kim Thị Ngọc O phải chịu 3.268.909,4 đồng (65.378.188 đồng x 5%). Ngân hàng TMCP S (S1) không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.347.448 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0080225, ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Kim Thị Ngọc O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đại diện Ngân hàng TMCP S (S1) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Truyền

